

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08.3.2019

V/v: “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Thái Ánh Trinh
 2. Ông Nguyễn Văn Đông
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Ông Võ Long Hải - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Mộng O** sinh năm 1969
Trú tại: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn: Anh **Trần Văn D** sinh năm 1967
Trú tại: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
(*Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 05.12.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Võ Thị Mộng O trình bày:

Do tự nguyện quen biết và yêu thương nhau nên vào năm 1989, chị với anh Trần Văn D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình chồng tại khu vực A, phường B, quận T. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tin tưởng nhau nên từ năm 2013 vợ chồng quyết định sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 06.8.1990 và Trần Thị Tuyết I, sinh ngày 09.01.1999, hiện các con đã trưởng thành và lao động bình thường, có khả năng nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên chị O khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Văn D.

- *Về con chung*: Con chung đã trưởng thành, chị không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

Tại tờ tự khai ngày 14.02.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

Anh thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn chị Võ Thị Mộng O về hôn nhân, con chung, cũng như vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Cụ thể: vào năm 1989 anh và chị O được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Theo anh thì mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không phù hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng nhau mà thường hay cãi vã làm cho hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ không thể hàn gắn được. Từ năm 2013 vợ chồng chính thức ly thân nhau. Nay chị O yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị O.

Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung gồm Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 06.8.1990 và Trần Thị Tuyết I, sinh ngày 09.01.1999 - đã trưởng thành, lao động bình thường và có khả năng nuôi sống bản thân. Anh thống nhất không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Do chị O và anh D không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân. Nhưng, có tổ chức hòa giải, đối chất và phân tích, giải thích theo quy định của pháp luật về vấn đề liên quan (*nếu có*) để các đương sự hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình và để tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề liên quan trong vụ kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên theo yêu cầu ban đầu.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

/ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định;

/ Về nội dung: Do các đương sự không đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự; Con chung đã trưởng thành nên không đặt vấn đề về việc nuôi con và cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Võ Thị Mộng O với anh Trần Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị không hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị O làm đơn xin ly hôn đối với anh D, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét quan hệ hôn nhân*: Quá trình giải quyết vụ án, chị O và anh D thống nhất khai: anh chị chung sống từ năm 1989 được gia đình hai bên tác hợp, có tổ chức lễ cưới vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn - điều này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B, quận T (*bút lục*: 32) nên có căn cứ xác định giữa chị O với anh D không đăng ký kết hôn là sự thật.

Chị O xin được ly hôn. Xét hôn nhân là tự nguyện, tiến bộ một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng với nhau. Ban đầu cả hai có ý chí xây dựng cuộc sống gia đình lâu dài nhưng quá trình chung sống anh chị chưa thật sự hiểu và thông cảm nhau, anh D thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con nên khi xảy ra mâu thuẫn thì anh D không cư xử đúng mực với chị O nên từ năm 2013 anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân kéo dài nhưng chị O và anh D không có biện pháp hàn gắn để trở về sum họp nên chị O khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh D; qua yêu cầu ly hôn của chị O thì anh D thống nhất đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế các đương sự đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay; suốt thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, tình cảm của anh chị đã thật sự rạn nứt nhưng vì anh chị không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm khoản 1 điều 9, điều 14 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không chấp nhận cho chị O được ly hôn với anh D mà tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Võ Thị Mộng O với anh Trần Văn D là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 06.8.1990 và Trần Thị Tuyết I, sinh ngày 09.01.1999; Ngoài ra anh chị không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Do con chung đã trưởng thành, lao động bình thường nên các đương sự không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng con chung. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Võ Thị Mộng O phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 1 điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 điều 9, điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Võ Thị Mộng O với anh Trần Văn D là vợ chồng.
 2. *Về con chung*: tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 06.8.1990 và Trần Thị Tuyết I, sinh ngày 09.01.1999 - đã trưởng thành, lao động bình thường nên Hội đồng xét xử không đề cập việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.
 3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.
 4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Võ Thị Mộng O phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị O đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/004467 ngày 08.01.2018 được chuyển thành án phí. Chị O đã nộp xong.
- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền